TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 280/2019/HS-PT
Ngày: 20-9-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn

Các thẩm phán: Bà Đỗ Thị Nhung

Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Ngô Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Xuân Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 204/2019/TLPT-HS ngày 09 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Phạm Xuân T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 180/2019/HS-ST ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Phạm Xuân T, sinh năm 1982 tại Đồng Nai; HKTT: Ấp E, xã G, huyện H, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở hiện nay: tổ K, khu phố L, phường M, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D (đã chết) và bà Đặng Thị A (đã chết); có chồng tên Phạm Văn R (sinh năm 1972); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Ngoài ra còn có bị hại không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài, Nguyễn Kiều Minh S rủ Phạm Xuân T sử dụng Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của người khác rồi dán hình của mình vào để vay tiền của Công ty I để mua hàng trả góp rồi chiếm đoạt thì T đồng ý. Thực hiện ý định trên, vào ngày 04/11/2016, S lấy Giấy chứng minh nhân dân số 2706600634 mang tên Nguyễn Thị Y sinh năm 1965, trú tại khu phố C, phường N, Tp B (là dì ruột của S) rồi tháo hình của bà Y ra dán hình của T vào giấy chứng minh nhân dân trên. Sau đó, S cùng T đi đến Cửa hàng Thế giới di dộng tại địa chỉ 1/2, đường O thuộc khu phố U phường M tp B mua 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S với giá 5.990.000đ (năm triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng) rồi S đưa cho T Giấy Chứng minh nhân dân đã chỉnh sửa trước đó cùng sổ hộ khẩu của bà Y để T đứng ra làm thủ tục vay tiền của Công ty I, - đặt phòng giao dịch tại Cửa hàng Thế giới di dộng để hỗ trợ khách hàng (bằng cách ký hợp đồng tín dụng với khách hàng để cho vay tiền mua sản phẩm, khách hàng sẽ thanh toán tiền góp hàng tháng cho công ty qua các Ngân hàng hoặc qua nhân viên thu hồi nợ của công ty). T cầm số giấy tờ trên đến gặp nhân viên của công ty I để làm thủ tục vay tiền, sau khi nhân viên công ty đối chiếu với các giấy tờ mà T cung cấp và tin tưởng T là người đứng tên trên số giấy tờ trên nên công ty I đã đồng ý lập hợp đồng số 3689468739 cho T vay số tiền 4.286.000đ (bốn triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng) với lãi suất 0,0%/tháng thời hạn vay là 04 tháng, mỗi tháng đóng 1.085.000đ (một triệu không trăm tám mươi lăm nghìn đồng), số tiền còn lại 1.797.000đ (một triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng) thì T phải trả trước cho cửa hàng điện thoại. Sau khi hoàn tất thủ tục vay và có được chiếc điện thoại di động trên thì S và T mang điện thoại đến bán cho một tiệm điện thoại (không rõ tên) được 4.200.000đ (bốn triệu hai trăm nghìn đồng), số tiền chênh lệch T và S lấy được là 2.403.000đ (hai triệu bốn trăm lẻ ba nghìn đồng) và chia nhau tiêu xài hết.

Do quá thời hạn 04 tháng, T không trả tiền theo quy định trong hợp đồng nên Công ty I đã thẩm tra lại hợp đồng số 3689468739 xác định hợp đồng trên không phải do bà Nguyễn Thị Y đứng tên mà do T giả danh bà Y ký hợp đồng nên công ty I đã làm đơn tố cáo T về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Qua điều tra xác minh, ngày 14/11/2018 Cơ quan Cảnh sát điều Công an TP B đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Kiều Minh S và Phạm Xuân T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tai sản" để điều tra xử lý.

Đối với Nguyễn Kiều Minh S đã bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP B đã ra quyết định truy nã.

Tang vật thu giữ:

- 01 (một) hợp đồng tín dụng tiêu dùng trả góp số 3689468739 ngày 04/11/2016 gồm 03 trang giấy A4, giữa Công ty I với Nguyễn Thị Y; 01 (một) thỏa thuận trọng tài đề ngày 04/11/2016 giữa Công ty I với Nguyễn Thị Y; 01 (một) Bản đăng ký sử dụng dịch vụ điện tử của khách hàng Nguyễn Thị Y; 01 (một) hợp đồng bảo hiểm.

Tại bản kết luận giám định số 343/KLGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Tỉnh Đồng Nai kết luận: "Chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Thị Y trên các tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (được Phòng PC54 đóng dấu ký hiệu từ A1 đến A4) với chữ ký và chữ viết mang Nguyễn Thị Y trên các tài liệu nêu ở phần Mẫu so sánh (được Phòng PC54 đóng dấu ký hiệu M) do cùng một người ký và viết ra". (Chữ ký và chữ viết Nguyễn Thị Y trong các bản hợp đồng với Công ty I là do Phạm Xuân T ký và viết).

Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Lê Xuân Đ (đại diện ủy quyền của Công ty I) yêu cầu Phạm Xuân T phải bồi thường số tiền 4.988.000đ (bốn triệu chín trăm tám mươi tám nghìn đồng) bao gồm phí và tiền phạt.

Tại cáo trạng số: 148/CT-VKSBH ngày 19/3/2019 Viện kiểm sát nhân dân TP B đã truy tố bị cáo Phạm Xuân T về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại bản án sơ thẩm số 180/2019/HS-ST ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B đã áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm g, h khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ Luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); xử phạt Phạm Xuân T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/5/2019, bị cáo Phạm Xuân T kháng cáo xin hưởng án treo.

Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Hành vi của bị cáo Phạm Xuân T đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét xử bị cáo với mức án 06 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi

phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới ngoài những tình tiết mà cấp sơ thẩm đã xem xét. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Xuân T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Hồ sơ thể hiện: Vào ngày 04/11/2016, Nguyễn Kiều Minh S và Phạm Xuân T đã có hành vi sử dụng Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của bà Nguyễn Thị Y (Chứng minh nhân dân dán hình Phạm Xuân T) để vay tiền chiếm đoạt 4.286.000đ (bốn triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng) của Công ty I.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Xuân T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người trong độ tuổi lao động nhưng để có tiền tiêu xài bị cáo đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác.

Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình khó khăn để xét xử bị cáo mức án 06 tháng tù là phù hợp, không nặng như kháng cáo của bị cáo đã nêu.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ mới nào chưa được xem xét. Do đó kháng cáo của bị cáo không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí:

Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Xuân T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 180/2019/HS-ST ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B.

[2] Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm g, h khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Phạm Xuân T 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

[3] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.B (2);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.B;
- Công an TP.B;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (Nhà tạm giữ Công an TP.B);
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.B;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thành Sơn